

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Lập trình CNC - MH1102141

Giám thị 1: Lê Thành Huy

Ký tên: LTH

Mã lớp học phần: 25211MH110214101

Số tín chỉ: 4

Giám thị 2: Châu Lê Sơn

Ký tên: CLS

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 03/04/2026

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410040010	Nguyễn Hoài Ân	04/09/2006	<u>HN</u>		5,0	Năm	C26CK1	
2	2410040012	Trần Tấn Danh	19/05/2006	<u>Danh</u>		6,0	Sáu	C26CK1	
3	2410040023	Lê Nhật Duy	08/04/2006	<u>ND</u>		6,0	Sáu	C26CK1	
4	2410040026	Nguyễn Hoàng Duy	02/07/2006	<u>HD</u>		5,5	Năm, năm	C26CK1	
5	2410040018	Nguyễn Khánh Duy	11/07/2006	<u>KD</u>		6,5	Sáu, năm	C26CK1	
6	2410040022	Nguyễn Trí Duy	14/08/2006	<u>TD</u>		9,5	Chín, năm	C26CK1	
7	2410040045	Nguyễn Tuấn Duy	02/06/2006	<u>TD</u>		2,5	Hai, năm	C26CK2	
8	2410040015	Bao Thành Giới	28/12/2006	<u>GT</u>		3,0	Ba	C26CK1	
9	2210040096	Lê Phước Hải	26/03/2004	<u>HL</u>		5,5	Năm, năm	C24CK3	
10	2410040037	Lê Vũ Hảo	18/12/2005	<u>HW</u>		2,5	Hai, năm	C26CK2	
11	2410040014	Phạm Phúc Hậu	05/01/2006	<u>PH</u>		6,5	Sáu, năm	C26CK1	
12	2410040031	Lê Gia Huy	15/03/2005	<u>GH</u>		6,0	Sáu	C26CK1	
13	2410040004	Nguyễn Khắc Huy	01/06/2006	<u>NH</u>		4,0	Bốn	C26CK1	
14	2410040003	Trần Gia Huy	21/6/2006	<u>TH</u>		4,0	Bốn	C26CK1	
15	2410040036	Lê Minh Kha	15/05/2006	<u>LM</u>		6,0	Sáu	C26CK2	
16	2410040007	Nguyễn Tuấn Kha	12/11/2006	<u>TK</u>		9,0	Chín	C26CK1	
17	2410040017	Nguyễn Tuấn Khang	26/07/2006	<u>TK</u>		3,0	Ba	C26CK1	
18	2210040089	Nguyễn Thành Khoa	11/01/2004	<u>NT</u>		VT	VT	C24CK3	YT
19	2410040033	Trần Nguyễn Anh Khoa	18/01/2006	<u>TK</u>		3,5	Ba, năm	C26CK2	
20	2410040048	Võ Anh Kiệt	21/02/2006	<u>AK</u>		9,0	Chín	C26CK2	
21	2410040025	Nguyễn Văn Linh	26/10/2006	<u>NV</u>		4,0	Bốn	C26CK1	
22	2410040032	Hà Khánh Luân	04/10/2005	<u>HL</u>		3,0	Ba	C26CK2	
23	2410040029	Trần Minh Luân	28/02/2006	<u>TM</u>		5,5	Năm, năm	C26CK1	
24	2310040020	Cao Hoàng Năng	25/03/2005	<u>HN</u>		5,0	Năm	C25CK1	
25	2410030001	Nguyễn Trọng Nghĩa	11/10/2006	<u>NT</u>		6,0	Sáu	C26CK1	
26	2410040008	Hồ Nguyễn Thành Nhân	30/01/2006	<u>HN</u>		4,5	Bốn, năm	C26CK1	
27	2410040020	Lê Minh Nhật	15/03/2006	<u>LM</u>		6,0	Sáu	C26CK1	
28	2410040042	Lê Đình Tấn Phát	14/03/2002	<u>LT</u>		4,0	Bốn	C26CK2	
29	2410100013	Nguyễn Hoàng Phát	10/02/2005	<u>HP</u>		4,0	Bốn	C26CK2	
30	2410040050	Nguyễn Huỳnh Long Phi	17/08/2006	<u>NH</u>		2,0	Hai	C26CK2	
31	2410040027	Trần Hoàng Phúc	10/08/2006	<u>TH</u>		5,5	Năm, năm	C26CK1	
32	2410040030	Bùi Thanh Sang	12/01/2006	<u>BT</u>		2,5	Hai, năm	C26CK1	
33	2410040034	Nguyễn Hữu Sang	02/06/2005	<u>NH</u>		2,0	Hai	C26CK2	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
34	2410040006	Lê Lê Anh	Sự	18/8/2006			6,0	Suì	C26CK1	
35	2410040043	Nguyễn Anh	Tài	11/04/2006			3,0	Bai	C26CK2	
36	2410040013	Võ Thành	Thái	15/11/2006			6,5	Suì, năm	C26CK1	
37	2410040019	Đặng Lê Quốc	Thịnh	18/08/2006			5,0	Năm	C26CK1	
38	2410040038	Lê Hoài	Thương	01/02/2006			7,5	Bảy, năm	C26CK2	
39	2410040024	Nguyễn Trung	Trực	05/09/2006			5,0	Năm	C26CK1	
40	2410040053	Đoàn Nguyễn Quốc	Tuấn	25/10/2005			6,5	Suì, năm	C26CK2	
41	2410040021	Lương Lê	Tứ	12/05/2005			4,5	Bốn, năm	C26CK1	
42	2410040039	Nguyễn Tuấn	Vũ	18/03/2006			5,0	Năm	C26CK2	
43	2410040009	Phạm Như	Xuân	01/01/2006			8,0	Tám	C26CK1	
44	2410040041	Nguyễn Gia	Yên	01/06/2006			6,0	Suì	C26CK2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 43 vắng thi: 01 Số bài thi/Số tờ: 43 / 1

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày...8...tháng...4...năm...2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

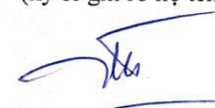


ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày...8...tháng...4...năm...2026

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Cao Thế Oanh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Lập trình CNC - MH1102141

Mã lớp học phần: 25211MH110214101 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Cao Miouu Ký tên: SU

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410040010	Nguyễn Hoài Ân	04/09/2006	C26CK1	<u>HN</u>	7,0	Buỷ	
2	2410040012	Trần Tấn Danh	19/05/2006	C26CK1	<u>Danh</u>	6,5	Sáu, năm	
3	2410040023	Lê Nhật Duy	08/04/2006	C26CK1	<u>ND</u>	6,0	Sáu	
4	2410040026	Nguyễn Hoàng Duy	02/07/2006	C26CK1	<u>HD</u>	6,5	Sáu, năm	
5	2410040018	Nguyễn Khánh Duy	11/07/2006	C26CK1	<u>KD</u>	7,0	Bảy	
6	2410040022	Nguyễn Trí Duy	14/08/2006	C26CK1	<u>TD</u>	7,0	chín	
7	2410040015	Bao Thành Giới	28/12/2006	C26CK1	<u>GT</u>	6,0	Sáu	
8	2410040014	Phạm Phúc Hậu	05/01/2006	C26CK1	<u>PH</u>	8,0	Tám	
9	2410040031	Lê Gia Huy	15/03/2005	C26CK1	<u>GH</u>	7,0	Bảy	
10	2410040004	Nguyễn Khắc Huy	01/06/2006	C26CK1	<u>NH</u>	5,5	Năm, năm	
11	2410040003	Trần Gia Huy	21/6/2006	C26CK1	<u>TH</u>	7,0	Bảy	
12	2410040007	Nguyễn Tuấn Kha	12/11/2006	C26CK1	<u>NK</u>	9,0	chín	
13	2410040017	Nguyễn Tuấn Khang	26/07/2006	C26CK1	<u>KS</u>	6,5	Sáu, năm	
14	2410040025	Nguyễn Văn Linh	26/10/2006	C26CK1	<u>NV</u>	6,5	Sáu, năm	
15	2410040029	Trần Minh Luân	28/02/2006	C26CK1	<u>TM</u>	6,5	Sáu, năm	
16	2410030001	Nguyễn Trọng Nghĩa	11/10/2006	C26CK1	<u>NT</u>	6,5	Sáu, năm	
17	2410040008	Hồ Nguyễn Thành Nhân	30/01/2006	C26CK1	<u>HN</u>	7,5	Bảy, năm	
18	2410040020	Lê Minh Nhật	15/03/2006	C26CK1	<u>LM</u>	7,0	Bảy	
19	2410040027	Trần Hoàng Phúc	10/08/2006	C26CK1	<u>TH</u>	8,0	Tám	
20	2410040030	Bùi Thanh Sang	12/01/2006	C26CK1	<u>BT</u>	5,5	Năm, năm	
21	2410040006	Lê Lê Anh Sự	18/8/2006	C26CK1	<u>LS</u>	8,0	Tám	
22	2410040013	Võ Thành Thái	15/11/2006	C26CK1	<u>VT</u>	7,0	Bảy	
23	2410040019	Đặng Lê Quốc Thịnh	18/08/2006	C26CK1	<u>DL</u>	8,0	Tám	
24	2410040024	Nguyễn Trung Trục	05/09/2006	C26CK1	<u>NT</u>	6,5	Sáu, năm	
25	2410040021	Lương Lê Tứ	12/05/2005	C26CK1	<u>LL</u>	7,0	Bảy	
26	2410040009	Phạm Như Xuân	01/01/2006	C26CK1	<u>PN</u>	8,0	Tám	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 0 . Số bài thi: 26 / 26 .

Ngày 08 tháng 3 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 8 tháng 3 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Cao Thị Dung

TRƯỜNG
PHÒNG
VÀ B

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Lập trình CNC - MH1102141

Mã lớp học phần: 25211MH110214101 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410040045	Nguyễn Tuấn Duy	02/06/2006	C26CK2	<u>Duy</u>	7,0	Bảy	
2	2410040037	Lê Vũ Hào	18/12/2005	C26CK2	<u>[Signature]</u>	7,0	Bảy	
3	2410040036	Lê Minh Kha	15/05/2006	C26CK2	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám	
4	2410040033	Trần Nguyễn Anh Khoa	18/01/2006	C26CK2	<u>hka</u>	7,0	Bảy	
5	2410040048	Võ Anh Kiệt	21/02/2006	C26CK2	<u>Kiệt</u>	8,5	Tám, năm	
6	2410040032	Hà Khánh Luân	04/10/2005	C26CK2	<u>luân</u>	5,0	Năm	
7	2410040042	Lê Đình Tấn Phát	14/03/2002	C26CK2	<u>pha</u>	7,0	Bảy	
8	2410100013	Nguyễn Hoàng Phát	10/02/2005	C26CK2	<u>pha</u>	6,5	Sáu, năm	
9	2410040050	Nguyễn Huỳnh Long Phi	17/08/2006	C26CK2	<u>Phi</u>	6,0	Sáu	
10	2410040034	Nguyễn Hữu Sang	02/06/2005	C26CK2	<u>Sang</u>	7,0	Bảy	
11	2410040043	Nguyễn Anh Tài	11/04/2006	C26CK2	<u>Tài</u>	6,5	Sáu, năm	
12	2410040038	Lê Hoài Thương	01/02/2006	C26CK2	<u>[Signature]</u>	8,5	Tám, năm	
13	2410040053	Đoàn Nguyễn Quốc Tuấn	25/10/2005	C26CK2	<u>tuân</u>	7,5	Bảy, năm	
14	2410040039	Nguyễn Tuấn Vũ	18/03/2006	C26CK2	<u>tuân</u>	7,5	Bảy, năm	
15	2410040041	Nguyễn Gia Yên	01/06/2006	C26CK2	<u>[Signature]</u>	7,0	Bảy	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 15 vắng thi: 0 . Số bài thi: 15 / 15 .Ngày: 08 tháng 9 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]Ngày: 08 tháng 9 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Cao Thế Oanh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Lập trình CNC - MH1102141

Mã lớp học phần: 25211MH110214101 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Cao Thị Oanh Ký tên: 

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410040045	Nguyễn Tuấn	Duy	02/06/2006	C26CK2	Duy	6,0	Sáu	
2	2410040037	Lê Vũ	Hào	18/12/2005	C26CK2	Hào	6,0	Sáu	
3	2410040036	Lê Minh	Kha	15/05/2006	C26CK2	Kha	7,5	Bảy, năm	
4	2410040033	Trần Nguyễn Anh	Khoa	18/01/2006	C26CK2	Khoa	6,5	Sáu, năm	
5	2410040048	Võ Anh	Kiệt	21/02/2006	C26CK2	Kiệt	8,0	Tám	
6	2410040032	Hà Khánh	Luân	04/10/2005	C26CK2	Luân	5,0	Năm	
7	2410040042	Lê Đình Tấn	Phát	14/03/2002	C26CK2	Phát	6,5	Sáu, năm	
8	2410100013	Nguyễn Hoàng	Phát	10/02/2005	C26CK2	Phát	6,0	Sáu	
9	2410040050	Nguyễn Huỳnh Long	Phi	17/08/2006	C26CK2	Phi	5,5	Năm, năm	
10	2410040034	Nguyễn Hữu	Sang	02/06/2005	C26CK2	Sang	7,0	Bảy	
11	2410040043	Nguyễn Anh	Tài	11/04/2006	C26CK2	Tài	6,0	Sáu	
12	2410040038	Lê Hoài	Thương	01/02/2006	C26CK2	Thương	8,5	Tám, năm	
13	2410040053	Đoàn Nguyễn Quốc	Tuấn	25/10/2005	C26CK2	Tuấn	7,0	Bảy	
14	2410040039	Nguyễn Tuấn	Vũ	18/03/2006	C26CK2	Vũ	7,5	Bảy, năm	
15	2410040041	Nguyễn Gia	Yên	01/06/2006	C26CK2	Yên	6,5	Sáu, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 15 vắng thi: 0 Số bài thi: 15 / 15

Ngày: 01 tháng 3 năm 2026

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 02 tháng 3 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Cao Thị Oanh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Lập trình CNC - MH1102141

Mã lớp học phần: 25211MH110214101 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên: 

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210040096	Lê Phước Hải	26/03/2004	C24CK3	Hải	5,5	Năm, năm	
2	2210040089	Nguyễn Thành Khoa	11/01/2004	C24CK3	Khoa	5,0	Năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 2 vắng thi: 0 Số bài thi: 2 / 2.

Ngày: 28 tháng 3 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 8 tháng 3 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Cao Thế Oanh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Lập trình CNC - MH1102141

Mã lớp học phần: 25211MH110214101 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410040010	Nguyễn Hoài Ân	04/09/2006	C26CK1	<u>[Signature]</u>	6,0	Sáu	
2	2410040012	Trần Tấn Danh	19/05/2006	C26CK1	<u>[Signature]</u>	6,0	Sáu	
3	2410040023	Lê Nhật Duy	08/04/2006	C26CK1	<u>[Signature]</u>	6,0	Sáu	
4	2410040026	Nguyễn Hoàng Duy	02/07/2006	C26CK1	<u>[Signature]</u>	6,5	Sáu năm	
5	2410040018	Nguyễn Khánh Duy	11/07/2006	C26CK1	<u>[Signature]</u>	6,0	Sáu	
6	2410040022	Nguyễn Trí Duy	14/08/2006	C26CK1	<u>[Signature]</u>	9,0	Chín	
7	2410040015	Bao Thành	28/12/2006	C26CK1	<u>[Signature]</u>	5,5	Năm, năm	
8	2410040014	Phạm Phúc Hậu	05/01/2006	C26CK1	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám	
9	2410040031	Lê Gia Huy	15/03/2005	C26CK1	<u>[Signature]</u>	6,0	Sáu	
10	2410040004	Nguyễn Khắc Huy	01/06/2006	C26CK1	<u>[Signature]</u>	5,5	Năm, năm	
11	2410040003	Trần Gia Huy	21/6/2006	C26CK1	<u>[Signature]</u>	6,5	Sáu, năm	
12	2410040007	Nguyễn Tuấn Kha	12/11/2006	C26CK1	<u>[Signature]</u>	9,0	Chín	
13	2410040017	Nguyễn Tuấn Khang	26/07/2006	C26CK1	<u>[Signature]</u>	6,0	Sáu	
14	2410040025	Nguyễn Văn Linh	26/10/2006	C26CK1	<u>[Signature]</u>	7,0	Bảy	
15	2410040029	Trần Minh Luân	28/02/2006	C26CK1	<u>[Signature]</u>	6,0	Sáu	
16	2410030001	Nguyễn Trọng Nghĩa	11/10/2006	C26CK1	<u>[Signature]</u>	6,0	Sáu	
17	2410040008	Hồ Nguyễn Thành Nhân	30/01/2006	C26CK1	<u>[Signature]</u>	7,5	Bảy, năm	
18	2410040020	Lê Minh Nhật	15/03/2006	C26CK1	<u>[Signature]</u>	6,5	Sáu, năm	
19	2410040027	Trần Hoàng Phúc	10/08/2006	C26CK1	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám	
20	2410040030	Bùi Thanh Sang	12/01/2006	C26CK1	<u>[Signature]</u>	5,5	Năm, năm	
21	2410040006	Lê Lê Anhr	18/8/2006	C26CK1	<u>[Signature]</u>	7,5	Bảy, năm	
22	2410040013	Võ Thành Thái	15/11/2006	C26CK1	<u>[Signature]</u>	6,0	Sáu	
23	2410040019	Đặng Lê Quốc Thịnh	18/08/2006	C26CK1	<u>[Signature]</u>	7,5	Bảy, năm	
24	2410040024	Nguyễn Trung Trục	05/09/2006	C26CK1	<u>[Signature]</u>	6,0	Sáu	
25	2410040021	Lương Lê Tứ	12/05/2005	C26CK1	<u>[Signature]</u>	7,0	Bảy	
26	2410040009	Phạm Như Xuân	01/01/2006	C26CK1	<u>[Signature]</u>	7,5	Bảy, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 0 . Số bài thi: 26 / 26 .

Ngày. 08 tháng 3 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày. 8 tháng 3 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Cao Thị Trâm

TRÚC
PHÒNG
VÀ B

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Lập trình CNC - MH1102141

Mã lớp học phần: 25211MH110214101 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

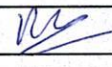
Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên: 

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310040020	Cao Hoàng Năng	25/03/2005	C25CK1		60	Sau	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 Số bài thi: 1 / 1

Ngày: 08 tháng 3 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 08 tháng 3 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Cao Thế Oanh

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ &

QUẢN TRỊ ĐOÀN NGHIỆP

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

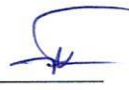
Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Lập trình CNC - MH1102141

Mã lớp học phần: 25211MH110214101 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên: 

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310040020	Cao Hoàng Năng	25/03/2005	C25CK1		5.5	Năm, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 Số bài thi: 1 / 1Ngày: 04 tháng 3 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


ThS. Phạm Văn DũngNgày: 08 tháng 3 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Cao Thế Oanh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Lập trình CNC - MH1102141

Mã lớp học phần: 25211MH110214101 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Cao Thế Oanh - (02015)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Cao Thế Oanh Ký tên: Su

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210040096	Lê Phước Hải	26/03/2004	C24CK3	<u>Hải</u>	<u>6,0</u>	<u>Sáu</u>	
2	2210040089	Nguyễn Thành Khoa	11/01/2004	C24CK3	<u>Khoa</u>	<u>5,5</u>	<u>Năm, năm</u>	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 2 vắng thi: 0 . Số bài thi: 2 / 2 .

Ngày 08 tháng 3 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 8 tháng 3 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Cao Thế Oanh